

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

Số: 162/BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày 18 tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 của tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII – Kỳ họp thứ Chín.

Căn cứ Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh Gia Lai Ban hành Chương trình Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 của tỉnh Gia Lai.

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và Chương trình công tác của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Gia Lai khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026; Uỷ ban nhân dân (UBND) tỉnh tổng hợp báo cáo kết quả Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) năm 2022 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THTK, CLP

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về THTK, CLP.

- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp nhà nước đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, đến cán bộ, công chức, viên chức người lao động chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về THTK, CLP như: Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc đẩy mạnh THTK, CLP; Luật THTK, CLP ngày 26 tháng 11 năm 2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sau đây gọi là Nghị định số 84/2014/NĐ-CP).

- Căn cứ Chương trình tổng thể về THTK, CLP giai đoạn 2021-2025¹ và Chương trình tổng thể về THTK, CLP năm 2022² của Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành Chương trình về THTK, CLP giai đoạn 2021-2025³ và Chương trình về THTK, CLP năm 2022⁴. Căn cứ vào Chương trình của UBND tỉnh, các ngành, các cấp tiến hành xây dựng kế hoạch cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí tiết kiệm, đánh giá kết quả THTK, CLP cho từng cơ quan, đơn vị mình; xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm cũng như những giải pháp, biện pháp cần thực hiện để đạt

¹ Quyết định số 1845/QĐ-TTg ngày 02/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

² Quyết định số 2262/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

³ Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình về THTK, CLP giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Gia Lai.

⁴ Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 31/01/2022 của ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình về THTK, CLP năm 2022 của tỉnh Gia Lai.

được mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm đã đặt ra phù hợp với đặc điểm tình hình từng cơ quan, đơn vị.

- Bên cạnh đó, UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho một số sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện rà soát, hoàn thiện cơ chế quản lý, hệ thống văn bản quy định của tỉnh về quản lý, sử dụng ngân sách, vốn, tài nguyên - khoáng sản và tài sản nhà nước; tăng cường công tác quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc tổ chức thực hiện thu - chi ngân sách nhà nước (NSNN), quản lý sử dụng tài sản công; quản lý sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản...

- Trong năm 2022, Đài Phát thanh và Truyền hình Gia Lai đã thực hiện phát sóng trong các chương trình thời sự phát thanh, truyền hình về công tác phòng, chống tham nhũng, THTK, CLP và duy trì thực hiện Chuyên mục “Phòng, chống tham nhũng lãng phí” phát sóng 01 số/tháng, thời lượng 15 phút/số. Bình quân mỗi năm, Đài đã tổ chức sản xuất và phát sóng hơn 100 tin, bài, phóng sự về công tác phòng, chống tham nhũng, Luật THTK, CLP năm 2013 trên sóng phát thanh, truyền hình. Nội dung tuyên truyền đa dạng, hình thức thể hiện phong phú; trong đó tuyên truyền, phổ biến Luật THTK, CLP năm 2013 và các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về THTK, CLP; các chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về thực hiện phòng, chống tham nhũng, THTK, CLP; trong đó chú trọng tuyên truyền các giải pháp về phòng ngừa, phòng chống tham nhũng; công tác thanh tra trên các lĩnh vực để phát sinh tham nhũng, tiêu cực như: công tác tổ chức cán bộ, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý tài chính công, bảo vệ và phát triển rừng... Tuyên truyền công tác chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh xử lý một số vụ việc liên quan đến tham nhũng, tiêu cực; kết quả thực hành tiết kiệm, nhất là tiết kiệm kinh phí chi thường xuyên tại các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị; các giải pháp của tỉnh triển khai triệt để thực hành tiết kiệm nhằm huy động các nguồn lực cho đầu tư toàn xã hội, khắc phục khó khăn do đại dịch Covid-19 để khôi phục phát triển kinh tế-xã hội, phấn đấu hoàn thành đạt các chỉ tiêu hàng năm trên địa bàn tỉnh.

- Đặc biệt, đã kịp thời tuyên truyền các chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh về triển khai công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm; công tác tổ chức cán bộ, kiểm soát quyền lực, phòng chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

- Tuyên truyền những khó khăn, tồn tại trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí và kết quả xử lý các vụ việc liên quan đến tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tuyên truyền công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; hoạt động của Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp trong việc tham gia công tác giám sát việc triển khai công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm tại các địa phương, đơn vị; tuyên truyền nhiều kinh nghiệm của một số đơn vị, địa phương về đấu tranh, phòng chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm; sự đồng tình, ủng hộ của các tầng lớp nhân dân về chủ trương phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm của Đảng và Nhà nước ta.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP.

- Trên cơ sở Chương trình năm 2022, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cấp, các ngành đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật. Trong đó quan tâm, chú trọng việc triển khai thực hiện Luật THTK, CLP ngày 26 tháng 11 năm 2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP; Quyết định số 2262/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THTK, CLP năm 2022; Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh ban hành Chương trình về THTK, CLP năm 2022 của tỉnh Gia Lai.

- Đến thời điểm báo cáo, cơ bản các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã nghiêm túc thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh ban hành Chương trình THTK, CLP năm 2022 theo quy định.

- Mục tiêu, chỉ tiêu và giải pháp thực hiện THTK, CLP năm 2022 tại Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2022:

+ Về mục tiêu: Thực hiện quyết liệt, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp THTK, CLP trong các lĩnh vực, góp phần huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phục hồi và phát triển kinh tế; phòng, chống, khắc phục hậu quả của thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, đảm bảo quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội.

+ Các chỉ tiêu THTK, CLP năm 2022 thực hiện siết chặt kỷ luật tài khóa - ngân sách nhà nước; bảo đảm chi ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả và theo đúng dự toán ngân sách nhà nước được HĐND tỉnh phê chuẩn, trong đó chú trọng các nội dung sau:

Thực hiện tiết kiệm các khoản chi thường xuyên đảm bảo theo quy định, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển lên khoản 28-29%⁵ tổng chi ngân sách nhà nước. Tiết kiệm và cắt giảm bình quân 10% dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) so với dự toán năm 2021, riêng các cơ quan, đơn vị đang áp dụng cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù theo quy định của cơ quan có thẩm quyền, mức giảm tối thiểu là 15% dự toán chi thường xuyên (ngoài quỹ lương và các khoản chi cho con người), trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định phân bổ và giao dự toán cho các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; trong điều hành, yêu cầu các cơ quan, đơn vị tiếp tục triệt để tiết kiệm các nhiệm vụ chi không thực sự cấp bách như: đoàn ra, đoàn vào, khánh tiết, hội thảo, hội nghị...

Không bố trí chi thường xuyên đối với các nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, trừ lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

⁵ Quyết định số 2262/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022.

Thực hiện cơ chế quản lý ngân sách nhà nước về khoa học và công nghệ trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả, đề cao tinh thần tự lực, tự cường; xây dựng rõ trọng tâm, trọng điểm nghiên cứu; ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng công nghệ phòng, chống dịch Covid-19, truyền cảm hứng, tôn trọng, tôn vinh trí thức, các nhà khoa học. Thực hiện công khai về nội dung thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật.

Sử dụng hiệu quả kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo. Ngân sách nhà nước tập trung ưu tiên cho phát triển giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông. Đầy mạnh cơ chế tự chủ đối với giáo dục nghề nghiệp. Ngân sách nhà nước đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho một số cơ sở giáo dục đào tạo công lập. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa, trước hết ở địa bàn có khả năng xã hội hóa cao nhằm thu hút các nguồn lực ngoài nhà nước đầu tư cho giáo dục, đào tạo, phát triển nhân lực chất lượng cao.

Sử dụng hiệu quả kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho sự nghiệp y tế. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động tổng thể các nguồn lực cho đầu tư phát triển hệ thống y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế tuyến cơ sở. Từng bước chuyển chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cấp trực tiếp cho cơ sở khám, chữa bệnh sang hỗ trợ người tham gia bảo hiểm y tế gắn với lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế. Hoàn thiện cơ chế, tháo gỡ khó khăn cho các hình thức hợp tác công tư, liên doanh, liên kết cung ứng dịch vụ y tế.

- Năm 2022, dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng tới đời sống nhân dân, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. UBND tỉnh đã chủ động triển khai các giải pháp thực hiện THTK, CLP linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn trên mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Qua đó, thực hiện các chính sách miễn giảm thuế để hỗ trợ tiền cho người dân, doanh nghiệp và người nộp thuế ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 năm 2022 đã được Cục thuế tỉnh Gia Lai thực hiện tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp chịu tác động Covid-19⁶. Kết quả công tác hỗ trợ, miễn, giảm, gia hạn thuế đến ngày 31/10/2022 là 103.146.537.848 đồng:

+ Gia hạn nộp thuế theo Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 04 năm 2021; Hỗ trợ cho hộ kinh doanh theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021; Giảm 30% tiền thuê đất theo Quyết định số 27/2021/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2021; Giảm thuế giá trị gia tăng (GTGT), thu nhập doanh nghiệp (TNDN), giảm tiền chậm nộp theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2021; giảm 50% lệ phí trước bạ theo Nghị định số 103/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2021; Giảm phí, lệ phí theo Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính; gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất theo Nghị định số 34/2022/NĐ-CP đã kết thúc theo quy định, tháng 10 năm 2022 không phát sinh.

+ Giảm 50% thuế BVMT nhiên liệu bay theo Nghị quyết số 13/2021/UBTVQH15 ngày 31 tháng 12 năm 2021, số tiền thuế được giảm: 1.943.908.000 đồng.

⁶ Công văn số 2143/CTGLA-NVDTPC ngày 03/11/2022 của Cục Thuế tỉnh Gia Lai.

+ Giảm mức thuế suất thuế giá trị gia tăng các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 10% được giảm 2% thuế suất (còn 8%) theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội, Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, số tiền thuế được giảm: 54.186.372.454 đồng.

+ Giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu theo Nghị quyết số 20/2022/UBTVQH15 ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, số tiền thuế được giảm: 47.016.257.394 đồng.

+ Cục Thuế tỉnh sẽ tổ chức triển khai thực hiện việc giảm 30% tiền thuê mặt đất, thuê mặt nước năm 2022 được quy định tại điểm a Khoản 3 Mục II Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ khi có các văn bản hướng dẫn thi hành của cơ quan chức năng Trung ương.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP.

Về công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong THTK, CLP trong năm 2022. Các đơn vị, địa phương chưa tiến hành thanh tra chuyên đề về THTK, CLP mà chỉ thực hiện cuộc thanh tra lồng ghép nội dung liên quan THTK, CLP:

3.1. Công tác thanh tra, kiểm tra tại sở, ngành (cấp tỉnh).

(1) **Thanh tra tỉnh:** Thực hiện theo quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt kế hoạch Thanh tra năm 2022 (trong đó có 07 cuộc Thanh tra việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí và công tác đầu tư xây dựng; 01 cuộc Thanh tra việc hoạt động kinh doanh; 02 cuộc thanh tra Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về Phòng, chống tham nhũng và việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí; 02 cuộc thanh tra Thanh tra trách nhiệm trong việc thực hiện pháp luật về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; 06 cuộc Thanh tra trách nhiệm trong việc thực hiện pháp luật về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo...).

(2) **Sở Tài chính:** Sở Tài chính đã ban hành quyết định số 277/QĐ-STC ngày 30/11/2021 phê duyệt kế hoạch Thanh tra năm 2022, trong đó có 04 cuộc thanh tra lồng ghép việc chấp hành qui định pháp luật về THTK, CLP trong quý II-IV năm 2022.

Xử phạt vi phạm chính đối với Công ty cổ phần Quốc Cường Gia Lai, số tiền 15.000.000 đồng (Quyết định số 01/QĐ-TTr ngày 30/5/2022 của Chánh Thanh tra Sở Tài chính ban hành xử phạt vi phạm chính trong lĩnh vực kế toán)⁷.

(3) **Sở Tài nguyên và Môi trường:** Đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với 14 tổ chức trong các lĩnh vực đất đai⁸, khoáng sản⁹, tài nguyên nước¹⁰, bảo vệ môi trường¹¹ với tổng số tiền phạt 469.859.000 đồng.

⁷ Căn cứ: Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán số 01.2022/BB-VPHC do ông Cáp Thái An lập hồi 9 giờ 00 ngày 24/5/2022 tại Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai, đường Nguyễn Chí Thanh, tờ 1, phường Trà Bá, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai; Công văn số 927/CTGLA-TTHT1 ngày 24/5/2022 của Cục thuế tỉnh Gia Lai về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán.

⁸ Công ty TNHH Chăn nuôi Phú Riêng: 4 trđ; Công ty CP Công nghệ và giải pháp nước Tân Á Đại Thành: 8 trđ.

⁹ Công ty TNHH TM Tân Vĩnh Phát: 40 trđ; Công ty CP Phú Bồn: 15 trđ; Công ty TNHH MTV Thương mại Xây dựng Hùng Thịnh Gia Lai: 6 trđ; Công ty TNHH Hiệp Lợi Gia Lai: 50 trđ; Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Đức Long Gia Lai: Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản 4,5 tháng.

¹⁰ Công ty cổ phần Thủy điện Cầu Đơn: 15 trđ; Công ty TNHH MTV Đầu tư chăn nuôi Bách Mộc Hợp: 22 trđ.

(4) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Đơn vị đã triển khai thực hiện 03 cuộc thanh tra việc chấp hành pháp luật về đầu tư công và đấu thầu theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2022 được duyệt tại Quyết định số 258/QĐ-SKHĐT ngày 06/12/2021. Qua thanh tra, kiểm tra các dự án đầu tư công và đấu thầu đã phát hiện và kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước số tiền là: 98.565.000 đồng. Nội dung sai phạm chủ yếu là do hồ sơ dự toán áp dụng định mức, đơn giá không đúng quy định.

3.2. Công tác thanh tra, kiểm tra tại 17 địa phương (cấp huyện).

(1) UBND thành phố Pleiku: UBND thành phố Pleiku lồng ghép THTK, CLP trong kế hoạch thanh tra, đã ban hành Quyết định 504/QĐ-UBND ngày 21/02/2022 về việc Điều chỉnh kế hoạch thanh tra năm 2022, tổ chức thanh tra 06 cuộc trong đó xử lý sai phạm nộp ngân sách nhà nước 751.180.000 đồng.

(2) UBND huyện Đak Pơ: UBND huyện đã ban hành Quyết định số 3364/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 và Kế hoạch số 01/KH-TTr ngày 22/02/2022 của Thanh tra huyện điều chỉnh kế hoạch thanh tra năm 2022, có 3 cuộc thanh tra chuyên đề: về thực hiện chính sách dân tộc từ năm 2015 đến năm 2020, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; việc hợp thửa, tách thửa, phân lô bán nền từ năm 2015 đến năm 2020, việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới từ năm 2015 đến năm 2020. Hiện nay đang tiến hành thực hiện thanh tra tại các cơ quan, đơn vị theo kế hoạch.

(3) UBND huyện Chư Prông: Thông qua các cuộc thanh tra, địa phương đã lồng ghép kiểm tra việc triển khai thực hiện Luật THTK, CLP, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, khắc phục những thiếu sót, hạn chế trong công tác tổ chức và hoạt động của các cơ quan được kiểm tra, thanh tra nhằm hạn chế thấp nhất, tránh để xảy ra sai phạm, hậu quả nghiêm trọng.

(4) UBND thị xã An Khê: Trong năm Thanh tra thị xã thực hiện 03 cuộc thanh tra theo kế hoạch, các vi phạm phát hiện qua thanh tra chủ yếu: Lập sai dự toán và thừa khối lượng về sửa chữa tài sản, xây dựng cơ bản; áp sai đơn giá nhân công, ca máy, đơn giá vận chuyển cáp phối đá dăm đối với công trình đường nội đồng; lập chứng từ chi thuê hội trường phục vụ Hội nghị tập huấn không hợp lý; chi sai, làm tăng giá trị công trình do áp sai giá vật liệu đến chán công trình; sai sót trong quá trình thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu: Về trình tự, thủ tục lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận; về chấp hành các quy định về hạn mức, diện tích; về thực hiện thủ tục giao đất; Qua thanh tra, thu hồi về ngân sách nhà nước tổng số tiền: 107.508.000 đồng.

(5) UBND huyện Krông Pa: Đã triển khai 08 cuộc thanh tra; trong đó đã kết thúc 07 cuộc và đang triển khai 01 cuộc. Qua thanh tra phát hiện các sai phạm, chỉ đạo thu hồi nộp vào ngân sách NN số tiền là 358.388.340 đồng (*đã thực hiện thu hồi*); Buộc trả lại cho 01 cá nhân số tiền là 5.892.800 đồng; xử lý trách nhiệm: kiểm điểm 05 cá nhân; tự chấn chỉnh rút kinh nghiệm 65 đơn vị (*gồm các trường, các xã và các phòng, ban đơn vị cấp huyện*).

(6) UBND huyện Phú Thiện: UBND huyện đã ban hành Quyết định số

¹¹ Công ty TNHH An Cư: 12,693trđ; Công ty CP Sông Đà Tây Nguyên: 30 trđ; Công ty TNHH MTV 557 Gia Lai: 69,935 trđ; Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Đức Long Gia Lai: 166,071 trđ; DNTN Nghĩa Chin: 31,160 trđ.

1408/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 phê duyệt kế hoạch thanh tra năm 2022.

- Thanh tra đã 04 cơ quan, đơn vị vi phạm về quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí; Tổng số tiền sai phạm, kiến nghị thu hồi: 1.167.944.634 đồng. Trong đó, kiến nghị thu hồi nộp vào ngân sách nhà nước: 1.154.629.584 đồng/12 đơn vị; thực hiện thu hồi và tiến hành chi trả lại các khoản thu sai cho học sinh: 13.315.050 đồng/06 trường.

- Thanh tra 03 cơ quan, đơn vị vi phạm về chi trả các chế độ cho người lao động không đúng quy định (chi trả công tác phí tiền trực, chế độ của Ban quản lý các CTMTQG xã không đúng quy định), theo đó, đã kiến nghị thu hồi 32.411.951 đồng; hiện nay đã thu hồi được 32.411.951 đồng nộp trả ngân sách nhà nước theo đúng quy định; đồng thời kiến nghị kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với 03 tập thể; Số tiền 145.569.324 đồng chưa thu hồi được của UBND xã Chrôh Ponan sai phạm theo kết luận thanh tra trong năm 2021.

3.3. Về công tác kiểm toán NSNN: Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch khắc phục các kiến nghị kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2020 tại Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2021. Qua kiểm toán NSNN năm 2020:

- Số tiền Kiểm toán nhà nước kiến nghị xử lý tài chính: 513.521.295.000 đồng;
- Số tiền khắc phục là: 434.668.748.709 đồng (*đạt 84,6%*)
- Số tiền chưa khắc phục: 78.852.546.291 đồng;

Hiện đang tiếp tục rà soát thực hiện khắc phục các kiến nghị của KTNN.

II. KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2022

1. Kết quả THTK, CLP trong các lĩnh vực.

a) THTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

- Ngoài việc tiếp tục thực hiện các chính sách, định mức, tiêu chuẩn của Trung ương và địa phương từ các năm trước còn hiệu lực để thực hiện trong năm 2021, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết liên quan đến định mức, tiêu chuẩn, chế độ. Các văn bản ban hành đều phù hợp với quy định của pháp luật, khả năng ngân sách của tỉnh, như: Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 8 tháng 7 năm 2022 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; phí đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 8 tháng 7 năm 2022 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết 26/2022/NQ-HĐND ngày 8 tháng 7 năm 2022 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất

trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết 24/2022/NQ-HĐND ngày 8 tháng 7 năm 2022 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết 30/2022/NQ-HĐND ngày 8 tháng 7 năm 2022 Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc tỉnh Gia Lai năm học 2022 – 2023.

- Trên cơ sở các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định của trung ương và địa phương, các đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy định việc sử dụng kinh phí thường xuyên cho các khoản mục làm cơ sở đánh giá kết quả THTK, CLP tại đơn vị và địa phương.

b) THTK, CLP trong lập, phân bổ và giao dự toán ngân sách năm 2022:

- UBND tỉnh đã chỉ đạo, điều hành việc lập, thẩm định, phê duyệt, dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí NSNN đảm bảo theo đúng quy định của Luật NSNN, các văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Bộ Tài chính. Trong năm 2022, đã thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên 10% để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương ngay từ khâu lập dự toán và giữ lại phần tiết kiệm ở các cấp ngân sách để bố trí thực hiện cải cách tiền lương, số tiền 281.187.000.000 đồng (*gồm: Ngân sách cấp tỉnh là 96.829.000.000 đồng; ngân sách cấp huyện là 184.358.000.000 đồng*)¹².

- Ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 nhiều mặt của đời sống kinh tế, xã hội. Hầu hết hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh ngừng hoạt động. Ngoài ra, dịch bệnh cũng ảnh hưởng giảm mạnh đến việc tiêu thụ, buôn bán hàng hóa khác như: Chuyển nhượng bất động sản; buôn bán ô tô, xe máy;... giảm nguồn thu lệ phí trước bạ, thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng từ các lĩnh vực này, làm ảnh hưởng giảm đến nguồn thu NSNN năm 2022 trên địa bàn tỉnh.

- Trong công tác thẩm định dự toán kinh phí bổ sung trong năm 2022 của các đơn vị trên địa bàn: Tổng số kinh phí các đơn vị lập dự toán là: 20.875.320.875 đồng. Số kinh phí thẩm định là: 15.890.500.000 đồng. Số kinh phí tiết kiệm là: 4.984.800.000 đồng.

- Về công tác xét duyệt, thẩm định quyết toán kinh phí năm 2021 của 13/13 doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trực thuộc UBND tỉnh quản lý với số kinh phí đề nghị nộp trả NSNN là 1.419.141.725 đồng, trong đó Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Gia Lai 332.952.000 đồng; Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăk Roong 1.070.000.000 đồng; Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa 13.593.041 đồng; Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku 2.596.684 đồng.

- Công tác thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2022 là 65 dự án. Tổng giá trị đề nghị quyết toán là 1.839.200.000.000 đồng,

¹² Nghị quyết số 278/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh Gia Lai (BC số 39/BC-STC ngày 12/03/2021 Sở Tài chính về việc báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi NSNN quý I năm 2021, nhiệm vụ và giải pháp điều hành NSNN quý II năm 2021; Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25/12/2020 và Quyết định số 2047/QĐ-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính).

tổng giá trị quyết toán được phê duyệt 1.837.500.000.000 đồng, tổng giá trị giảm trừ qua thẩm tra, phê duyệt quyết toán là -1.700.000.000 đồng.

c) THTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước:

UBND tỉnh Gia Lai đã ban hành Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2021 Về việc ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Gia Lai giao nhiệm vụ mua sắm tài sản theo phương thức tập trung cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện. Về tình hình tiết kiệm, chống lãng phí trong lĩnh vực Tài sản năm 2022 về mua sắm tài sản tập trung: Đã thẩm định dự toán và trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu về mua sắm tập trung của Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Gia Lai. Kết quả trong năm 2022 đã tiết kiệm qua đấu thầu mua sắm tập trung là: 182.892.000 đồng, cụ thể: Tổng dự toán phê duyệt là 16.616.460.000 đồng; tổng giá trị trúng thầu là 16.433.568.000 đồng.

d) THTK, CLP trong lĩnh vực xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ:

- Thực hiện cắt giảm 100% việc tổ chức lễ động thổ, lễ khởi công, khánh thành các công trình xây dựng cơ bản, trừ các công trình quan trọng quốc gia; công trình có giá trị lớn, có ý nghĩa quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội của tỉnh. Nâng cao chất lượng công tác khảo sát, thiết kế, giải pháp thi công, thẩm định dự án để phấn đấu tiết kiệm 10% đến 15% tổng mức đầu tư. Thực hiện tốt công tác nghiệm thu công trình vốn NSNN trước khi bàn giao đưa vào sử dụng khi có yêu cầu, nhằm tạo điều kiện cho chủ đầu tư đảm bảo tiến độ thực hiện dự án và thời gian giải ngân, sử dụng vốn có hiệu quả.

- Thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý các trụ sở, các cơ sở hoạt động sự nghiệp. Đẩy nhanh tiến độ phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước; kiên quyết thu hồi diện tích nhà, đất sử dụng cho thuê, cho mượn, liên doanh, liên kết không đúng quy định và trụ sở cũ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được đầu tư xây dựng trụ sở mới.

Quản lý, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả và đảm bảo tiết kiệm đối với các công trình trụ sở liên cơ quan tỉnh; nhà công vụ; nhà chung cư. Thực hiện nâng cao hiệu suất sử dụng nhà công vụ, thu hồi 100% nhà công vụ sử dụng không đúng mục đích, không đúng đối tượng hết thời gian sử dụng nhà công vụ theo quy định.

d) THTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong các lĩnh vực quản lý đất đai, đo đạc bản đồ, bảo vệ môi trường, tài nguyên khoáng sản, nước, khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh, cụ thể là:

- THTK, CLP trong quản lý, sử dụng đất:

Thời gian qua, việc khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên là một nội dung được Sở đặc biệt ưu tiên.

Cụ thể là công tác tổ chức, triển khai lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được Sở tham mưu UBND tỉnh siết chặt, thực hiện theo quy định của trung ương. Qua đó góp phần tích cực vào việc phát huy tiềm năng đất đai phục vụ cho

các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo các quỹ đất thu hút nhà đầu tư chiến lược, các ngành dịch vụ, thương mại ngày càng nhiều đến đầu tư tại tỉnh:

+ Đã tổ chức thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện của 17/17 huyện, thị xã và thành phố. UBND tỉnh đã phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của 17/17 huyện, thị xã và thành phố.

+ Đã thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của 17/17 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh. Hiện đang hoàn thiện trình UBND tỉnh phê duyệt.

+ Mặt khác, Sở cũng tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, chính quyền địa phương tăng cường công tác quản lý nhà nước trong việc quản lý, sử dụng đất; yêu cầu các tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất quản lý sử dụng đất đúng ranh giới được giao, được thuê và theo tiến độ dự án đã được phê duyệt. Trong quá trình triển khai dự án thì các tổ chức kinh tế, đơn vị được giao, cho thuê đất cơ bản chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng đất, thực hiện theo quy hoạch chi tiết xây dựng, dự án đầu tư được duyệt, đảm bảo tiến độ đưa đất vào sử dụng theo đúng kế hoạch.

+ Công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất: Thực hiện theo đúng Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất đã được cấp thẩm quyền phê duyệt và Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua hàng năm theo quy định của Luật Đất đai 2013. Thực hiện thu hồi đất đối với 2 tổ chức vi phạm Điểm i Khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai năm 2013, diện tích là 62.908,4 m² (Thu hồi đất của Công ty cổ phần Sông Đà 11 - Thăng Long và Công ty cổ phần bò sữa Tây nguyên).

- THTK, CLP trong quản lý, sử dụng tài nguyên nước:

+ Trong 10 tháng đầu năm 2022 Sở Tài nguyên và Môi trường đã thẩm định trình UBND tỉnh cấp 8 giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất, 06 giấy phép thăm dò nước dưới đất và 08 giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt. Sở Tài nguyên và Môi trường cấp 06 giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất và 5 giấy phép xả nước thải vào nguồn nước theo thẩm quyền.

+ Tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tổng số tiền là 2.257.801.484 đồng. Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tổng số tiền là 19.042.545 đồng theo thẩm quyền.

+ Quá trình thẩm định các hồ sơ cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật.

+ Các tổ chức, cá nhân đã từng bước nâng cao ý thức trong việc khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên nước đảm bảo sự phát triển bền vững, ổn định trước mắt và lâu dài.

+ Trình UBND tỉnh phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt công trình Cấp nước bơm dẫn thôn Hòa Sơn, Hòa Thành, xã Ia Phang, huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai và công trình Cấp nước bơm dẫn làng Bi, xã Ia Dom, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai của Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Gia Lai tại Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2022 và Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2022.

+ Đề kiểm soát việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo đúng quy định trong Giấy phép, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện lắp đặt hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Đến nay đã có 31/31 nhà máy thuỷ điện đã lắp đặt hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

+ Công tác tuyên truyền tổ chức, triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày nước thế giới, Ngày Khí tượng thế giới và Chiến dịch giờ Trái đất năm 2022 tới các huyện, thị xã, thành phố.

- THTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản:

+ Uỷ ban nhân dân tỉnh cấp 04 giấy phép thăm dò khoáng sản; phê duyệt trữ lượng khoáng sản 03 mỏ; cấp mới 03 giấy phép khai thác khoáng sản; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản 02 mỏ; phê duyệt 02 Đề án đóng cửa mỏ; đóng cửa mỏ khoáng sản 01 mỏ; điều chỉnh 01 giấy phép khai thác khoáng sản (điều chỉnh nâng công suất khai thác); gia hạn 01 giấy phép khai thác khoáng sản; Xác nhận khai thác đất san lấp để phục vụ cho các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước: 45 Bảng xác nhận, đảm bảo nhu cầu vật liệu đất san lấp cho các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với 17 khu vực khai thác đất san lấp phục vụ thi công các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh với số tiền 781.533.188 đồng.

+ Đối với các giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực, đã yêu cầu doanh nghiệp khai thác khoáng sản lập thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản để cải tạo, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác; quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác và bàn giao đất cho địa phương quản lý theo quy định của pháp luật về đất. Trong 10 tháng đầu năm 2022, Sở đã tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt 02 Đề án đóng cửa mỏ; đóng cửa mỏ khoáng sản 01 mỏ.

+ Về kiểm soát sản lượng khai thác thực tế của doanh nghiệp, đã có nhiều văn bản đôn đốc các doanh nghiệp lắp đặt trạm cân tại vị trí đưa khoáng sản nguyên khai ra khỏi khu vực khai thác; lắp camera giám sát tại các kho chứa theo quy định. Đơn vị đã phối hợp với Cục Thuế tỉnh tổ chức cuộc họp thực hiện Quy chế phối hợp số 41/STNMT - CT ngày 18/3/2020 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và Cục Thuế tỉnh, qua đó tăng cường trao đổi thông tin về sản lượng kê khai nộp thuế của doanh nghiệp để đối chiếu với công suất được cấp phép khai thác hàng năm của doanh nghiệp, kịp thời phát hiện và xử lý các doanh nghiệp khai thác vượt công suất, khai thác khi chưa được Uỷ ban nhân dân tỉnh cấp phép.

- Công tác cấp phép khai thác khoáng sản phù hợp Quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt như: Quy hoạch và các quy hoạch điều chỉnh, bổ sung khu vực thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2010 đến năm 2020, Quy hoạch và Kế hoạch sử dụng đất hàng năm....Việc thẩm định hồ sơ cấp phép khai thác khoáng sản được thực hiện theo đúng quy định của Luật khoáng sản và các văn bản hướng dẫn có liên quan, các dự án trước khi cấp phép khai thác đều được lấy ý kiến của các sở, ngành liên quan.

- Về công tác quản lý môi trường:

+ Theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định của UBND tỉnh, tỉnh Gia Lai có 29 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (gồm 17 bãi rác và 12 cơ sở y tế):

+ Đối với 12 cơ sở y tế: Đến nay, có 10/12 cơ sở y tế đã được thông báo hoàn thành xử lý triệt để ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Còn lại 02/12 cơ sở y tế gồm: Trung tâm y tế huyện Chư Prông đang khắc phục lò đốt bị gãy do bão Naru tháng 9/2022, sau đó sẽ hoàn thiện thủ tục chứng nhận hoàn thành xử lý triệt để ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và Trung tâm y tế huyện Đăk Pơ mặc dù hệ thống xử lý nước thải đã được đầu tư nhưng hiện nay nước thải sinh hoạt, nước mưa, nước thải y tế thải chung một hệ thống nên hệ thống xử lý nước thải không đảm bảo xử lý vào mùa mưa, vì vậy không đủ điều kiện để làm thủ tục hoàn thành xử lý triệt để ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

+ Đối với 17 bãi rác: Đến nay, có 05/17 bãi rác đã được thông báo hoàn thành xử lý triệt để ô nhiễm môi trường. Còn lại 12/17 bãi rác, trong đó: 06/12 bãi rác tại các huyện, thị xã đang đẩy nhanh tiến độ xử lý ô nhiễm và lập thủ tục đề nghị hoàn thành; 05/12 bãi rác tại các huyện Kbang, Đăk Pơ, Đăk Đoa, Mang Yang, Chư Păh đang còn sức chứa, trước mắt ưu tiên bố trí nguồn lực, kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương, thu hút nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định để xử lý dứt điểm ô nhiễm môi trường tại các bãi rác, không để ảnh hưởng đến môi trường xung quanh; 01/12 bãi rác tại xã Gào thành phố Pleiku với 03 ô chôn lấp đã đầy. Hiện nay, UBND thành phố đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý để triển khai dự án nhà máy xử lý rác, đến năm 2023 sẽ khởi công và đưa vào sử dụng nhà máy xử lý rác thải thành phố và đóng cửa bãi chôn lấp tại xã Gào.

Trong thời gian tới tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị đẩy nhanh tiến độ, hoàn thiện các thủ tục đề nghị hoàn thành xử lý ô nhiễm triệt để đối với các bãi rác và các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh, thời gian hoàn thành trước ngày 31/12/2022.

- Đối với thu gom, xử lý chất thải: tại trung tâm 17 huyện, thị xã, thành phố đều có Công ty/Ban quản lý/Đội Công trình đô thị chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển chất thải rắn phát sinh. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị đạt 95,4%. Tại khu vực nông thôn, các xã ở xung quanh khu vực đô thị đã được Công ty/Ban quản lý/Đội Công trình đô thị thu gom, vận chuyển về bãi chôn lấp của huyện, thị xã, thành phố. Một số xã xa trung tâm, dịch vụ thu gom chưa tới được, các xã đã tự thành lập Tổ/dội/hợp tác xã thu gom rác thải. Riêng đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, mật độ dân cư thấp, các hộ dân tự thu gom, chôn lấp hoặc đốt trong khu vực vườn nhà.

- Trình UBND tỉnh phê duyệt phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) cho 05 dự án đã được thẩm định; phê duyệt 115 hồ sơ kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu. Nâng tổng số hồ sơ được phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu từ trước đến nay lên 229 hồ sơ; cấp 03 Giấy phép môi trường.

- Công tác truyền thông môi trường:

+ Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới ngày 05 tháng 6, Tháng hành động vì môi trường năm 2022.

+ Tổ chức hội thảo tập huấn các quy định, chính sách của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản quy định chi tiết thi hành cho khoảng hơn 150 đại

biểu là các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể của tỉnh; Phòng cảnh sát môi trường-Công an tỉnh; phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã đăng ký hoàn thành chương trình nông thôn mới năm 2022 và xã đăng ký phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022; Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

+ Phối hợp với Hội nông dân tỉnh tập huấn về công tác bảo vệ môi trường nông thôn tại các huyện Đức Cơ, Chư Prông Ia Grai, Đăk Đoa, Chư Păh, Chư Sê, Mang Yang, thị xã An Khê và thành phố Pleiku với tổng số người tham gia tập huấn là 900 người.

e) THTK, CLP đối với việc thực hiện Đề án chuyển giao một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công để Bưu điện thực hiện: Triển khai thực hiện Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh ban hành Đề án thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh Gia Lai để Bưu điện thực hiện. Các xã, huyện, thị xã, thành phố và các sở, ban, ngành của tỉnh đã triển khai thực hiện và tiết kiệm được **7.141.480.000 đồng**, trong đó:

- Kinh phí tiết kiệm đối với 01 đơn vị cấp tỉnh, 05 đơn vị cấp huyện và 02 xã chuyển giao qua Bưu điện từ tháng 6/2019, bình quân 1 năm giảm: 2.689.720.000 đồng, gồm: Chi phí đầu tư cơ sở vật chất giảm: 1.768.110.000 đồng; Chi tiền lương giảm: 1.064.160.000 đồng; Chi phí khác tăng: 142.560.000 đồng.

- Kinh phí tiết kiệm đối với 16 đơn vị cấp tỉnh, 06 đơn vị cấp huyện và 05 đơn vị cấp xã chuyển giao qua Bưu điện từ 01/01/2020, bình quân 1 năm giảm: 2.848.400.000 đồng, gồm: Chi phí đầu tư cơ sở vật chất giảm: 2.541.130.000 đồng. Chi tiền lương giảm: 2.283.040.000 đồng; Chi phí khác tăng: 1.975.770.000 đồng.

- Kinh phí tiết kiệm đối với 01 đơn vị cấp huyện và 01 đơn vị cấp xã chuyển giao qua Bưu điện từ tháng 6/2020, bình quân 1 năm tăng: 334.090.000 đồng, gồm: Chi phí đầu tư cơ sở vật chất tăng: 56.610.000 đồng; Chi tiền lương tăng: 253.530.000 đồng; Chi phí khác tăng: 23.940.000 đồng.

- Kinh phí tiết kiệm đối với 03 đơn vị cấp huyện và 02 đơn vị cấp xã chuyển giao qua Bưu điện từ ngày 01/01/2021, bình quân 1 năm giảm: 1.600.980.000 đồng, gồm: Chi phí đầu tư cơ sở vật chất giảm: 1.464.670.000 đồng; Chi tiền lương giảm: 154.960.000 đồng; Chi phí khác tăng: 18.650.000 đồng.

- Kinh phí tiết kiệm đối với 01 đơn vị cấp huyện và 02 đơn vị cấp xã chuyển giao qua Bưu điện từ tháng 6/2021, bình quân 1 năm giảm: 388.790.000 đồng, gồm: Chi phí đầu tư cơ sở vật chất giảm: 161.300.000 đồng; Chi tiền lương giảm: 217.240.000 đồng; Chi phí khác giảm: 10.230.000 đồng.

- Kinh phí tiết kiệm đối với 01 đơn vị cấp xã chuyển giao qua Bưu điện từ tháng 8/2021 giảm: 110.380.000 đồng, gồm: Chi phí đầu tư cơ sở vật chất tăng: 54.600.000 đồng; Chi tiền lương giảm: 164.980.000 đồng.

- Kinh phí tiết kiệm đối với 01 đơn vị cấp huyện chuyển giao qua Bưu điện từ tháng 12/2021 tăng 162.700.000 đồng, gồm: Chi phí đầu tư cơ sở vật chất tăng 20.600.000 đồng; Chi tiền lương tăng 91.300.000 đồng; Chi phí khác tăng 50.800.000 đồng.

f) Kết quả thực hiện THTK, CLP năm 2022 của các đơn vị sở, ban, ngành và các huyện, thị xã, thành phố là **414.267.370.000 đồng** (*theo phụ lục II, III kèm theo*), cụ thể như sau:

(f.1) Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ: **751.180.000 đồng**.

(f.2) Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước NSNN: **369.783.820.000 đồng**, trong đó:

(1) Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN: 289.456.790.000 đồng, gồm có:

<p>- Thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên 10% dự toán đầu năm để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2022:</p>	281.187.000.000 đồng
--	-----------------------------

<p>- Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán:</p>	7.727.310.000 đồng
--	---------------------------

<p>- Các nội dung khác:</p>	542.470.000 đồng
-----------------------------	-------------------------

(2) Sử dụng và thanh quyết toán NSNN: 78.693.970.000 đồng, gồm:

(2.1) Tiết kiệm chi quản lý hành chính: 46.089.630.000 đồng; gồm:

<p>- Tiết kiệm văn phòng phẩm:</p>	8.543.670.000 đồng
------------------------------------	---------------------------

<p>- Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc:</p>	2.827.180.000 đồng
---	---------------------------

<p>- Tiết kiệm sử dụng điện:</p>	6.836.100.000 đồng
----------------------------------	---------------------------

<p>- Tiết kiệm xăng, dầu:</p>	3.397.800.000 đồng
-------------------------------	---------------------------

<p>- Tiết kiệm nước sạch:</p>	1.838.480.000 đồng
-------------------------------	---------------------------

<p>- Tiết kiệm công tác phí:</p>	10.979.520.000 đồng
----------------------------------	----------------------------

<p>- Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo:</p>	975.910.000 đồng
--	-------------------------

<p>- Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội:</p>	2.822.660.000 đồng
--	---------------------------

<p>- Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc:</p>	7.868.340.000 đồng
---	---------------------------

(2.2) Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy): 556.350.000 đồng.

(2.3) Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức: 31.456.780.000 đồng.

(2.4) Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia: 35.190.000 đồng.

(2.5) Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ: 0,00 đồng.

(2.6) Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo: 342.910.000 đồng.

(2.7) Tiết kiệm kinh phí y tế: 213.100.000 đồng.

(3) Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ: 1.633.060.000 đồng.

(f.3) Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng: **35.839.810.000 đồng**, trong đó:

<p>- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán:</p>	10.037.380.000 đồng
--	----------------------------

<p>- Thực hiện đầu thầu, chào hàng cạnh tranh:</p>	21.728.110.000 đồng
--	----------------------------

<p>- Thực hiện đầu tư, thi công:</p>	2.156.620.000 đồng
--------------------------------------	---------------------------

<p>- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán:</p>	1.917.700.000 đồng
--	---------------------------

(f.4) Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên: **5.518.550.000 đồng**

<p>(1) Quản lý, sử dụng đất: Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được</p>	220.500.000 đồng
--	-------------------------

(2) Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác: Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được **5.298.050.000 đồng.**

(f.5) Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp: **1.711.640.000 đồng**, trong đó:

- Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng: **111.500.000 đồng**
- Quản lý đầu tư xây dựng: **181.000.000 đồng**
- Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN: **1.419.140.000 đồng**

(f.6) Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP: **662.370.000 đồng**.

Tổng kinh phí các mục chi đã tiết kiệm được trong năm 2022 của các đơn vị trên địa bàn tỉnh là: **421.408.850.000 đồng (phụ lục số I)**.

2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí (tổng hợp trên cơ sở báo cáo của các đơn vị).

- Số vụ việc lãng phí đã phát hiện: 0 vụ;
- Số vụ việc đã được xử lý: 0 vụ;
- Số người vi phạm và hình thức xử lý: 0 người.

3. Phân tích, đánh giá.

a) Đánh giá kết quả đạt được.

Công tác phổ biến, tuyên truyền về THTK, CLP đã được cấp ủy Đảng và chính quyền quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện, tạo sự chiến biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân; thực hiện THTK, CLP gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

Trên cơ sở đó các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã tích cực tuyên truyền, quán triệt đến tất cả các đảng viên, cán bộ công chức, viên chức và quần chúng nhân dân về chính sách pháp Luật THTK, CLP; thường xuyên tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định về tổ chức bộ máy, cán bộ, biên chế, chế độ, chính sách trong các cơ quan hành chính các cấp; kịp thời ban hành nhiều văn bản để cụ thể hóa để triển khai thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức trong thi hành nhiệm vụ, công vụ; thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, thực hiện nghiêm quy định về đạo đức, văn hóa giao tiếp của người cán bộ, công chức.

Nhìn chung công tác THTK, CLP trong năm qua đã đạt được những chuyển biến tích cực, các quy định về THTK, CLP đã được UBND các huyện, thị xã, thành phố, sở, ban, ngành và các đơn vị đã quan tâm triển khai thực hiện, nhận thức của cán bộ công chức viên chức về THTK, CLP được nâng lên.

Công tác triển khai quán triệt chủ trương THTK, CLP của Đảng và Nhà nước được tuyên truyền thường xuyên; các đơn vị đã chủ động giảm chi các khoản chi không cần thiết; đã có ý thức tốt trong việc tiết kiệm chi tiêu, sinh hoạt tại cơ quan, đơn vị mình.

Công tác quản lý, điều hành chi ngân sách thực hiện đúng quy định, đảm bảo được các nhiệm vụ chi theo dự toán HĐND, UBND tỉnh giao; thực hiện đảm

bảo các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

Các đơn vị đã thực hiện các quy định về công khai tài chính, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, thanh tra, giám sát THTK, CLP tại đơn vị. Phát huy được vai trò của cán bộ, công chức viên chức, nhân dân trong việc phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng, lãng phí và phát huy vai trò giám sát, tự kiểm tra của các đơn vị địa phương.

Các doanh nghiệp quản lý vốn nhà nước đã nâng cao hiệu quả công tác quản lý, tăng cường quản lý các định mức tiêu hao nguyên vật liệu, tiết kiệm trong định mức.

Công tác quản lý tài chính - ngân sách hoàn thành dự toán giao, công tác quản lý thu ngân sách được các cấp, các ngành quan tâm, cải cách hành chính thuế được đẩy mạnh; các cân đối lớn của nền kinh tế được đảm bảo, kỷ luật, kỷ cương về tài chính - ngân sách được tăng cường, xử lý kịp thời các nhiệm vụ cấp bách phát sinh, đặc biệt là đảm bảo kịp thời kinh phí phòng chống dịch bệnh Covid-19 đảm bảo theo quy định, góp phần tích cực vào việc hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng và an sinh xã hội.

Nhìn chung công tác THTK, CLP đều được triển khai tốt hầu hết ở tất cả các ngành, các lĩnh vực, địa phương và đơn vị. Kết quả thực hiện THTK, CLP năm 2022 cơ bản đạt được mục tiêu của tinh đề ra¹³ như đã trình bày trên.

Trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã đạt được một số chỉ tiêu, nhiệm vụ tích cực, cụ thể tại các phụ lục số I, II, III kèm theo báo cáo này.

b) Nhũng tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- Bên cạnh kết quả tiết kiệm, chống lãng phí đã thực hiện trong năm 2022, hầu hết các địa phương, đơn vị đã triển khai xây dựng chương trình THTK, CLP năm 2022 của địa phương, đơn vị mình. Tuy nhiên, việc triển khai xây dựng chương trình THTK, CLP của từng địa phương, đơn vị vẫn còn có những hạn chế nhất định như việc xây dựng chương trình THTK, CLP còn chung chung, chưa xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm cụ thể của đơn vị, của lĩnh vực ngành mình quản lý (*theo quy định Điều 4 và Điều 5 tại Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính*), chưa bám sát các chỉ tiêu yêu cầu theo Chương trình THTK, CLP năm 2022 của UBND tỉnh đã ban hành.

- Một số đơn vị chưa quan tâm đúng mực đến việc lập báo cáo THTK, CLP, chất lượng báo cáo chưa đạt yêu cầu (nội dung, số liệu¹⁴ và thời hạn theo quy định) dẫn đến khó khăn cho việc tổng hợp, báo cáo đánh giá về tình hình và kết quả THTK, CLP trên địa bàn tỉnh.

- Việc kiểm tra, tự phát hiện các vụ việc lãng phí trong quá trình tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, đơn vị vẫn còn hạn chế. Hầu hết các vụ việc được phát hiện do quá trình kiểm toán nhà nước, kiểm tra, thanh tra của cơ quan có chức năng.

¹³ theo Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 31/01/2022 của UBND tỉnh

¹⁴ Theo Đề cương báo cáo (Phụ lục số 01) tại Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

- Phong trào thi đua THTK, CLP tại đơn vị chưa được khơi dậy mạnh mẽ, chưa thiết thực và những tấm gương điển hình về THTK, CLP chưa được phát hiện, tuyên truyền và nhân rộng kịp thời...

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ THTK, CLP

1. Nhiệm vụ trọng tâm.

1.1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Luật THTK, CLP số 44/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP, Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Quyết định số 2262/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THTK, CLP năm 2022; Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh ban hành Chương trình về THTK, CLP năm 2022 của tỉnh Gia Lai.

- Thực hiện theo kế hoạch tài chính 05 năm địa phương 2021-2025; kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm giai đoạn 2021-2023; định mức chỉ NSNN giai đoạn 2021-2025; đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia; các chính sách an sinh xã hội và phúc lợi xã hội; ...

2. Tăng cường quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, đảm bảo 100% việc phân bổ vốn đầu tư công tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công và thứ tự ưu tiên theo quy định của Luật Đầu tư công. Thực hiện tiết kiệm từ khâu quy hoạch, chủ trương đầu tư, rà soát, cắt giảm 100% các dự án không nằm trong quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn ngân sách nhà nước; triển khai quyết liệt ngay từ đầu năm các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công. Thực hiện tốt công tác chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng, đền bù, tái định cư của các dự án khởi công mới để tạo tiền đề tốt cho việc thực hiện dự án, nhất là các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, có tác động lan tỏa góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Nâng cao chất lượng công tác đầu thầu, lựa chọn nhà thầu, bảo đảm lựa chọn nhà thầu có đầy đủ năng lực thực hiện dự án theo đúng tiến độ quy định; Công khai, minh bạch thông tin và tăng cường giám sát, đánh giá, kiểm tra, thanh tra trong quá trình đầu tư công, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án để thúc đẩy giải ngân vốn. Xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật, tham nhũng, gây thất thoát, lãng phí trong đầu tư công.

1.3. Về quản lý, sử dụng tài sản phục vụ công tác

- Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm các quy định của nhà nước về quản lý, sử dụng tài sản công như: Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ;

Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính; Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính...

- Tổ chức xây dựng hoàn chỉnh phương án rà soát, sắp xếp lại, xử lý nhà, đất các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Gia Lai trong năm 2022, theo Thông tư số 37/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo qui định tại Nghị định số 167/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả phương án rà soát, sắp xếp xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan, đơn vị đảm bảo theo đúng định mức của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

1.4. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương; Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 76/NQ-CP. Thực hiện chính sách tinh giản biên chế, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh có cơ cấu hợp lý, số lượng phù hợp. Tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ; xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, trục lợi, cản trở gây khó khăn cho doanh nghiệp, người dân theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ, vị trí việc làm viên chức theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ làm căn cứ cho việc quản lý, sử dụng công chức, viên chức, thời gian làm việc hiệu quả và làm cơ sở để thực hiện cải cách tiền lương.

- Thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy hành chính và số lượng cấp phó các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh quản lý theo quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Gia Lai.

1.5. Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước của doanh nghiệp

Các doanh nghiệp nhà nước, phải đăng ký và thực hiện tiết giảm chi phí quản lý (*từ 10% trở lên*), trong đó, tiết giảm tối đa chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mãi, hoa hồng môi giới, chi tiếp tân, khánh tiết, hội nghị, chi chiết khấu thanh toán, chi phí năng lượng; Tiếp tục thực hiện quy trình thoái vốn các công ty nhà nước theo kế hoạch đã duyệt.

Nâng cao năng lực tài chính, đổi mới công tác quản trị, công nghệ, cơ cấu sản phẩm, ngành nghề sản xuất kinh doanh, chiến lược phát triển, cải tiến quy trình sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước.

Thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp để có cơ chế thống nhất trong quản lý, sử dụng nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

1.6. Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên

- Hoàn thành việc kê khai, đăng ký biến động đất đai đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc diện sáp nhập, giải thể theo Nghị quyết Trung ương 6 (*khóa XII*) đảm bảo tiến độ, kế hoạch.

- Tiếp tục thực hiện tốt việc điều tra, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, hoàn thiện quy hoạch các nguồn tài nguyên trên địa bàn. Kiểm soát chặt chẽ việc khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng, phát triển bền vững công nghiệp khai khoáng gắn với bảo vệ môi trường và đảm bảo quốc phòng, an ninh.

- Nâng cao chất lượng thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án khai thác khoáng sản, đảm bảo giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực đến môi trường khu vực khai thác.

- Thực hiện theo quy định Luật Đất đai nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; bảo đảm sử dụng đất đai hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả và bền vững; tăng nguồn thu từ đất đai phục vụ cho đầu tư phát triển; giảm khiếu nại, khiếu kiện về đất đai, đảm bảo công khai, minh bạch, sát thị trường, phù hợp với những quy định mới của Luật Quy hoạch, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Luật Ngân sách nhà nước.

2. Các giải pháp.

2.1. Quán triệt nghiêm túc chỉ đạo của Chính phủ, Bộ, Ngành Trung ương; Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về chương trình THTK, CLP của Thủ tướng Chính phủ. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện tốt Chương trình kế hoạch, cụ thể các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm cả năm; xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong cả cả năm và nhiệm kỳ công tác giai đoạn 2021-2025; Quy định kết quả THTK, CLP là tiêu chí để đánh giá công tác thi đua, khen thưởng.

2.2. Tăng cường trách nhiệm công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, đặc biệt là đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong THTK, CLP của cơ quan, đơn vị.

- Sở Thông tin và truyền thông, các cơ quan thông tin, báo chí, Đài phát thanh truyền hình tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền các chính sách pháp luật của nhà nước về THTK, CLP và các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước có liên quan đến THTK, CLP trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Các cơ quan, đơn vị, chính quyền các cấp, đưa nội dung tuyên truyền các quy định về THTK, CLP tại các Hội nghị tập huấn nghiệp vụ; tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống, tác phong, lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của công tác THTK, CLP. Qua đó nâng cao trách nhiệm, thống nhất nhận thức và hành động của từng cấp, từng ngành và mỗi cán bộ, công chức, viên chức đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu Cơ quan, đơn vị trong THTK, CLP.

- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tích cực phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tuyên truyền, vận động về công tác THTK, CLP đạt hiệu quả.

- Kịp thời biểu dương, khen những gương điển hình trong THTK, CLP; bảo vệ người cung cấp thông tin về những hành vi lãng phí, chưa tiết kiệm. Tăng cường giáo dục phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm công vụ; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong THTK, CLP. Nêu cao tinh thần trách nhiệm và vai trò của cơ quan thông tấn, báo chí trong công tác tuyên truyền về THTK, CLP.

2.3 Tập trung chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện đối với tất cả các lĩnh vực THTK, CLP, trong đó cần tập trung vào một số giải pháp sau:

- Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền về Luật quản lý thuế, các Luật thuế mới và chủ trương của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về lãnh đạo, chỉ đạo công tác thu ngân sách năm 2022; Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách; thực hiện quyết liệt các giải pháp chống thất thu, chuyển giá, trốn thuế, thu hồi nợ thuế; kiểm soát chặt chẽ bội chi NSNN; chỉ đạo các Sở, ngành, các huyện, thị xã, thành phố trong công tác điều hành thu NSNN trên địa bàn tỉnh, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, tổ chức, thành phần kinh tế trong sản xuất, kinh doanh.

- Quản lý điều hành chi ngân sách địa phương theo dự toán, siết chặt kỷ cương, kỷ luật ngân sách; Chủ động sử dụng dự phòng, dự trữ tài chính và nguồn lực tại chỗ để chi phòng chống thiên tai, dịch bệnh và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh và nhiệm vụ chi cấp thiết phát sinh theo chế độ; Triển khai nhiệm vụ, giải pháp tiêu thụ, xuất nhập khẩu sản phẩm hàng hóa ứng phó với tác động của thiên tai và dịch bệnh; Đảm bảo kinh phí thực hiện chế độ, chính sách của Trung ương và của Tỉnh.

- Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc phân bổ dự toán Ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2022; đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn đầu tư công (cả vốn trái phiếu Chính phủ và vốn nước ngoài), các nguồn vốn chương trình mục tiêu gắn với kiểm tra, giám sát, nâng cao hiệu quả đầu tư, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng; không để phát sinh mới nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Thực hiện định mức chi NSNN theo quy định của Chính phủ, theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và phù hợp thực tiễn địa phương; kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025; kế hoạch tài chính 5 năm 2021-2025, kế hoạch tài chính 3 năm 2021-2023; triển khai các nội dung của Luật Đầu tư công theo phân cấp của Chính phủ.

- Triển khai công tác quản lý tài sản nhà nước theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; thực hiện rà soát trình cấp có thẩm quyền phương án điều chuyển, sắp xếp lại trụ sở làm việc của một số cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công tác đầu tư, mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cấp ngân sách, các đơn vị dự toán, chấn chỉnh kịp thời những hạn chế, sai sót trong công tác quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; nhất là công tác quản lý tài sản Nhà nước sau đầu tư.

- Tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để ra về cải thiện môi trường kinh doanh, phát triển doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và phát triển Chính phủ điện tử theo các Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 tháng 2019, số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 và số 36a/NQ-CP ngày 14

tháng 10 năm 2015 của Chính phủ. Mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa phương thức quản lý; áp dụng hóa đơn điện tử; đẩy mạnh phối hợp thu qua hệ thống ngân hàng; tăng tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4, nhằm giảm chi phí cho doanh nghiệp trong cải cách thủ tục hành chính; Triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20 tháng 01 năm 2022 về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ, thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công lập, quy hoạch lưới, định mức kinh tế kỹ thuật, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN để thực hiện giao quyền tự chủ cho đơn vị sự nghiệp, chuyển phương thức hỗ trợ trực tiếp sang cơ chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ theo Nghị định 02/2019/NĐ-CP của Chính phủ; hoàn thiện các quy định quản lý và mức giá đối với các dịch vụ sự nghiệp công chuyển từ danh mục phí sang quản lý theo cơ chế giá theo quy định của Luật Phí, lệ phí 2015 và Nghị định số 149/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tiếp tục thực hiện việc rà soát, đánh giá kết quả hoạt động các loại quỹ tài chính của nhà nước theo Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ; từng bước cơ cấu lại quỹ tài chính để đảm bảo không trùng nguồn thu, nhiệm vụ chi với NSNN theo quy định của Luật NSNN; Nâng cao hiệu quả hoạt động, tính độc lập và bền vững của các quỹ tài chính, đồng thời huy động, quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính trong xã hội thực hiện tốt mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng các vùng động lực của tỉnh theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tỉnh ủy Gia Lai. Đẩy mạnh thu hút các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng tái tạo và du lịch đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tỉnh ủy Gia Lai.

2.4. Chỉ đạo các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung giải pháp đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hồ sơ thủ tục về công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, đầu tư cơ sở hạ tầng tại các khu đất tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất, nhất là các dự án trên địa bàn trọng điểm; tăng cường công tác tuyên truyền rộng rãi đối với người dân và các khách hàng có nhu cầu tham gia đấu giá đất trong và ngoài tỉnh. Đảm bảo vượt dự toán thu về đất năm 2022 là khoản thu quan trọng để bù giảm thu do tác động thiên tai và dịch bệnh.

2.5. Chỉ đạo Sở Tài nguyên – Môi trường phối hợp với các Sở, Ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố tiếp tục hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc diện sáp nhập, giải thể theo Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) thực hiện việc kê khai, đăng ký biến động đất đai theo quy định.

2.6. Về công tác quản lý, sử dụng biên chế

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập có nguồn thu sự nghiệp, khuyến khích đẩy mạnh chuyển đổi sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và xã hội hóa, thay thế nguồn trả lương từ NSNN bằng việc trả lương từ nguồn thu sự nghiệp. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ tuyển dụng số lượng cán bộ, công chức, viên chức đã giải quyết chế độ nghỉ hưu hoặc thôi việc theo quy định.

- Tiếp tục giữ ổn định biên chế của các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp; thực hiện khoán hoặc hỗ trợ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao.

- Tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước. Năm 2022, mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trên các lĩnh vực giáo dục, y tế đạt mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp về thủ tục hành chính đạt mức trên 90%.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tăng cường giám sát thực hiện quy chế, nội quy, kỷ luật lao động, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kỷ luật lao động, đảm bảo kỷ cương kỷ luật trong thi hành công vụ.

2.7. Tăng cường thực hiện công khai, nâng cao hiệu quả công tác giám sát THTK, CLP

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện các quy định về công khai, minh bạch để tạo điều kiện cho việc thanh tra, kiểm tra, giám sát THTK, CLP.

- Thủ trưởng cơ quan, đơn vị sử dụng NSNN phải thực hiện công khai theo đúng quy định của pháp luật, nhất là công khai việc sử dụng NSNN và các nguồn tài chính được giao theo quy định. Khuyến khích thực hiện hình thức công khai trên trang thông tin điện tử nhằm nâng cao hiệu quả và tiết kiệm ngân sách (*trừ những nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật*).

- Phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể trong cơ quan để kịp thời phát hiện hành vi vi phạm về THTK, CLP. Đẩy mạnh giám sát đầu tư cộng đồng thông qua việc nâng cao hiệu quả Ban Giám sát đầu tư cộng đồng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; tăng cường vai trò của người dân trong việc theo dõi, đánh giá việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư.

- Thực hiện công khai hành vi lăng phí, kết quả xử lý hành vi lăng phí theo quy định.

2.8. Kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các vi phạm quy định về THTK, CLP

- Xiết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách trong xây dựng pháp luật, thực thi công vụ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch trong thu, chi NSNN, đầu tư XDCB, quản lý, sử dụng tài sản công, đất đai, tài nguyên, khoáng sản... nhất là các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, lăng phí. Triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Ban Bí thư và Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 8 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật trong việc chấp hành pháp luật về NSNN.

- Tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Luật đất đai, quy hoạch việc sử dụng đất và văn bản quy phạm pháp luật về sử dụng đất. Thực hiện nghiêm xử lý, thu hồi các diện tích đất đai, mặt nước sử dụng không đúng quy định của pháp luật, sử dụng đất sai mục đích, sai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, sử dụng lăng phí, kém hiệu quả, bỏ hoang hóa và lấn chiếm đất trái quy định để đưa việc sử dụng đất đúng quy định, hiệu quả.

- Thủ trưởng các đơn vị chủ động thực hiện công tác kiểm tra lại các đơn vị và chỉ đạo công tác kiểm tra, tự kiểm tra của đơn vị cấp dưới trực thuộc. Đối với những vi phạm được phát hiện trong công tác kiểm tra, thủ trưởng đơn vị phải kịp thời khắc phục, xử lý hoặc đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền có biện pháp xử lý. Xử lý nghiêm trách nhiệm người đứng đầu và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan, đơn vị để xảy ra lãng phí.

2.9. Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, hiện đại hóa quản lý; kiên quyết đấu tranh có hiệu quả đối với hành vi gây thất thoát, lãng phí; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan trong THTK, CLP

- Tăng cường công tác chỉ đạo việc thực hiện cải cách hành chính của các cấp, các ngành gắn với THTK, CLP trong các lĩnh vực; đẩy mạnh hiện đại hóa quản lý hành chính nhà nước gắn với đổi mới phương thức quản lý thông qua việc hoàn thiện và nâng cao chất lượng, hiệu quả của mạng thông tin điện tử hành chính của Chính phủ trên Internet; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, đặc biệt là trong thực hiện các dịch vụ để vừa rút ngắn thời gian thực hiện, giảm nhân lực quản lý, giảm chi phí xã hội, vừa tạo điều kiện phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

- Tiếp tục rà soát, cắt giảm và đơn giản hóa thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết và điều kiện thực hiện thủ tục hành chính, nhất là các TTTHC liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân, doanh nghiệp. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các khâu tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính. Nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước. Đổi mới phương thức, lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần phục vụ nhân dân. Tập trung xử lý các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp và cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính và công khai kết quả tiếp nhận, xử lý kiến nghị của người dân, doanh nghiệp.

- Người đứng đầu Doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm xây dựng đăng ký với chủ sở hữu về mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, giảm chi phí sản xuất, kinh doanh, đề ra các giải pháp thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, công khai đến người lao động, báo cáo chủ sở hữu, cơ quan quản lý cấp trên về kết quả thực hiện.

- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục triển khai có hiệu quả quy định của pháp luật về THTK, CLP; đề ra các biện pháp cụ thể để tăng cường công khai minh bạch, trách nhiệm trong hoạt động công vụ; tăng cường các hình thức tiếp nhận thông tin phát hiện lãng phí và nghiêm túc xử lý các thông tin phát hiện lãng phí theo quy định.

- Tăng cường phối hợp giữa các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong công tác THTK, CLP; phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể để nâng cao hiệu quả THTK, CLP trong năm 2022.

2.10. Thực hiện nghiêm chế độ thông tin báo cáo về THTK, CLP theo quy định tại Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 của tỉnh Gia Lai, UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, Kỳ họp thứ Chín.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh khóa XII;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Phước Thành



PHỤ LỤC II

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: Từ 01/01/2022 đến tháng 10/2022 và ước đến 31/12/2022

(Kèm theo Báo cáo số 16/BC-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo			So sánh với năm		Ghi chú
					Tổng số	Số liệu đến từ 01/01/2022 đến 30/10/2022	Số liệu ước từ 01/11/2022 đến 31/12/2022	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11
I Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ										
1	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức mới được ban hành	văn bản	101	99	95	79	16	94%	96%	
2	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	văn bản	13	12	5	4	1	38%	42%	
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	cuộc	15	22	14	9	5	93%	64%	
4	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	vụ	1	1	1	1	-	100%	100%	
5	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	triệu đồng	103,65	-	751.18	751,18	-	725%		
II Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)										
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN									
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng	-	-	-	-	-			
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	222.494,00	281.187,00	281.187,00	281.187,00		126%	100%	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cát giâm dự toán	triệu đồng	7.449,90	1.650,00	7.727,31	7.727,31	-	104%	468%	
1.4	Các nội dung khác	triệu đồng	5.674,57	-	542,47	542,47	-	10%		
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN									
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	triệu đồng	46.715,34	52.856,19	46.089,63	34.617,61	11.472,02	99%	87%	
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	7.048,82	10.224,44	8.543,67	6.234,50	2.309,17	121%	84%	
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng	2.656,01	3.402,56	2.827,18	1.762,45	1.064,73	106%	83%	
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng	6.195,50	7.750,13	6.836,10	5.021,88	1.814,22	110%	88%	
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng	2.858,35	3.300,06	3.397,80	2.885,29	512,50	119%	103%	
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng	1.915,22	1.990,52	1.838,48	1.061,51	776,96	96%	92%	
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	8.694,96	12.277,46	10.979,52	8.022,27	2.957,24	126%	89%	
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng	1.295,96	1.286,70	975,91	789,99	185,92	75%	76%	
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng	3.367,39	3.591,80	2.822,66	2.006,25	816,41	84%	79%	
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng	12.683,13	9.032,52	7.868,34	6.833,47	1.034,87	62%	87%	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện di lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)									
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện di lại đã chi	triệu đồng	1.869,07	2.148,20	1.894,07	850,03	1.044,03	101%	88%	
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	131,00	77,00	556,35	539,35	17,00	425%	723%	
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng	-	-	460,35	460,35	-			
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	22,00	17,00	16,00	16,00	-	73%	94%	
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng	-	-	-	-	-			
	Các nội dung khác		109,00	60,00	80,00	63,00	17,00	73%	133%	
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	40.138,44	31.451,89	31.456,78	17.139,58	14.317,20	78%	100%	
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng	-	217,00	35,19	26,19	9,00	-	16%	



PHỤ LỤC I

TỔNG CÁC MỤC ĐÃ TIẾT KIỆM ĐƯỢC NĂM 2022

Ký báo cáo: Từ 01/01/2022 đến tháng 10/2022 và ước đến 31/12/2022

(Kèm theo Báo cáo số 162/BC-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	Đối với việc thực hiện Đề án chuyển giao một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công để Bưu điện thực hiện	7.141,48	
II	Kết quả thực hiện THTK, CLP năm 2022 của các đơn vị	414.267,37	
1	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ	751,18	
	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	751,18	
2	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước NSNN	369.783,82	
2.1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN	289.456,79	
	- Thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên 10% dự toán đầu năm để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2022	281.187,00	
	- Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	7.727,31	
	- Các nội dung khác	542,47	
2.2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN	78.693,97	
2.2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính	46.089,63	
	- Tiết kiệm văn phòng phẩm	8.543,67	
	- Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	2.827,18	
	- Tiết kiệm sử dụng điện	6.836,10	
	- Tiết kiệm xăng, dầu	3.397,80	
	- Tiết kiệm nước sạch	1.838,48	
	- Tiết kiệm công tác phí	10.979,52	
	- Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	975,91	
	- Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	2.822,66	
	- Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	7.868,34	
2.2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	556,35	
2.2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	31.456,78	
2.2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	35,19	
2.2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	0,00	
2.2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	342,91	
2.2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	213,10	
2.3	Sử dụng, quyết toán NSNN lăng phí, sai chế độ	1.633,06	
	Số tiền vi phạm đã phát hiện	1.633,06	
3	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng	35.839,81	
	Trong đầu tư xây dựng:	35.839,81	
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	10.037,38	
	- Thực hiện đầu thầu, chào hàng cạnh tranh	21.728,11	
	- Thực hiện đầu tư, thi công	2.156,62	
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	1.917,70	

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
4	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên	5.518,55	
4.1	<i>Quản lý, sử dụng đất</i>	<i>220,50</i>	
	<i>Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được</i>	<i>220,50</i>	
4.2	<i>Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác</i>	<i>5.298,05</i>	
	<i>Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được</i>	<i>5.298,05</i>	
5	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp	1.711,64	
5.1	<i>Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng</i>	<i>111,50</i>	
5.2	<i>Quản lý đầu tư xây dựng</i>	<i>181,00</i>	
5.3	<i>Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN</i>	<i>1.419,14</i>	
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	<i>1.419,14</i>	
6	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP	662,37	
	<i>Tổng giá trị tiền, tài sản sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát</i>	<i>662,37</i>	
	Tổng cộng	421.408,85	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo			So sánh với năm		Ghi chú
					Tổng số	Số liệu đến từ 01/01/2022 đến 30/10/2022	Số liệu ước từ 01/11/2022 đến 31/12/2022	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11
3	Nhà công vụ									
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2	21.028,80	20.428,30	16.725,20	16.725,20	-	80%	82%	
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	521,00	-	-	-	-	0%		
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	9.507,00	-	-	-	-	0%		
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	-	-	-	-	-			
3.5	Diện tích trù sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	-	-	-	-	-			
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng	-	-	-	-	-			
4	Các nội dung khác									
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên									
1	Quản lý, sử dụng đất									
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m2	78.763,60	-	73.451,00	71.451,00	2.000,00	93%		
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m2	78.764,60	-	86.908,40	86.908,40	-	110%		
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	228,24	50,00	220,50	188,50	32,00	97%	441%	
1.4	Các nội dung khác									
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác									
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ	409	29	375	330	45	92%	1293%	
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	6.067,86	425,00	5.298,05	4.413,05	885,00	87%	1247%	
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được									
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án	-	-	-	-	-			
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng	-	-	-	-	-			
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt		-	-	-	-	-			
4	Các nội dung khác									
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước									
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ	-	-	-	-	-			
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	-	-	-	-	-			
3	Các nội dung khác									
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp									
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh									
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng	-	5,00	-	-	-		0%	
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng	132,00	108,00	111,50	96,30	15,20	84%	103%	
	Tiết kiệm điện	Kw/h	1.620,00	1.690,00	1.810,00	1.622,00	188,00	112%	107%	
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lit)	2.370,00	1.750,00	1.320,00	1.210,00	110,00	56%	75%	
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng	35,20	160,00	223,90	198,90	25,00	636%	140%	
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng	-	-	-	-	-			
1.5	Chi phí tiết kiệm đã đăng ký	triệu đồng	-	-	-	-	-			
1.6	Chi phí tiết kiệm đã thực hiện	triệu đồng	-	-	-	-	-			
2	Quản lý đầu tư xây dựng									
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án	2,00	2,00	2,00	2,00	-	100%	100%	
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án	2	2	2	2	-	100%	100%	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo			So sánh với năm		Ghi chú
					Tổng số	Số liệu đến từ 01/01/2022 đến 30/10/2022	Số liệu ước từ 01/11/2022 đến 31/12/2022	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được		2.387	-	181	181	-	8%		
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng	-	-	-	-	-			
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	570,00	-	181,00	181,00	-	32%		
	Thực hiện đấu giá, thi công	triệu đồng	1.817,00	-	-	-	-	0%		
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng	-	-	-	-	-			
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn		-	-	-	-	-			
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án	-	-	-	-	-			
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng	-	-	-	-	-			
2.5	Các nội dung khác		-	-	-	-	-			
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN									
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng	-	-	1.419,14	1.419,14	-			
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng	-	-	-	-	-			
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng	-	-	-	-	-			
4	Mua sắm tài sản, phương tiện									
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con		-	-	-	-	-			
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc	20	23	23	23	-	115%	100%	
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc	1	-	-	-	-	0%		
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng	724,00	-	-	-	-	0%		
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc	-	-	-	-	-			
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng	-	-	-	-	-			
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc	-	-	-	-	-			
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc	-	-	-	-	-			
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng	-	-	-	-	-			
5	Nợ phải thu khó đòi									
	Số đầu kỳ	triệu đồng	-	-	310,00	310,00	-			
	Số cuối kỳ	triệu đồng	441,97	-	310,00	310,00	-	70%		
6	Vốn chủ sở hữu									
	Số đầu năm	triệu đồng	2.821.670,42	2.852.624,28	2.852.624,28	2.828.800,28	29.616,00	101%	100%	
	Số cuối kỳ	triệu đồng	2.802.549,48	3.115.637,38	3.115.817,67	3.115.817,67	5.792,00	111%	100%	
VIII	THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân									
1	Hộ gia đình thực hiện nộp sống văn hoá, THTK, CLP	Lượt hộ	50.908	54.033	54.618	44.825	9.793	107%	101%	
2	Các vụ việc gây lỗ hổng được phát hiện	Vụ	-	-	-	-	-			
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP									
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc	22	21	20	18	2	91%	95%	
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	cuộc	22	15	17	16	1	77%	113%	
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	cơ quan/tổ chức/don vi	36	20	77	76	1	214%	385%	
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lỗ hổng, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/don vi	29	18	30	29	1	103%	167%	
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lỗ hổng, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát (không tổng hợp số liệu của Ngành thuế)	triệu đồng	1.352,22	291,98	662,37	642,37	20,00	49%	227%	
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lỗ hổng, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng	1.049,99	291,98	623,57	603,57	20,00	59%	214%	



PHỤ LỤC III

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: Từ 01/01/2022 đến tháng 10/2022 và ước đến 31/12/2022

(Kèm theo Báo cáo số 16/L/BC-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo			So sánh với năm trước		Ghi chú
					Tổng số	Số liệu đến từ 01/01/2022 đến 30/04/2022	Số liệu ước từ 01/05/2022 đến 30/06/2022	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11
I Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh										
1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng	-	5,00	-	-	-	-	-	0%
2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng	132,00	108,00	111,50	96,30	15,20	84%	103%	
2.1	Tiết kiệm điện	Kw/h	1.620,00	1.690,00	1.810,00	1.622,00	188,00	112%	107%	
2.2	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)	2.370,00	1.750,00	1.320,00	1.210,00	110,00	56%	75%	
3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng	35,20	160,00	223,90	198,90	25,00	636%	140%	
4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng	-	-	-	-	-	-	-	
5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng	-	-	-	-	-	-	-	
6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng	-	-	-	-	-	-	-	
II Quản lý đầu tư xây dựng										
1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án	2	2	2	2	-	100%	100%	
2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án	2	2	2	2	-	100%	100%	
3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được		2.387,00	-	181,00	181,00	-	8%	-	
3.1	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng	-	-	-	-	-	-	-	
3.2	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	570,00	-	181,00	181,00	-	32%	-	
3.3	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng	1.817,00	-	-	-	-	-	0%	
3.4	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng	-	-	-	-	-	-	-	
4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn		-	-	-	-	-	-	-	
4.1	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án	-	-	-	-	-	-	-	
4.2	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng	-	-	-	-	-	-	-	
5	Các nội dung khác		-	-	-	-	-	-	-	
III Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ Ngân sách nhà nước										
1	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng	-	-	1.419,14	1.419,14	-	-	-	
2	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng	-	-	-	-	-	-	-	
3	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng	-	-	-	-	-	-	-	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo			So sánh với năm trước		Ghi chú
					Tổng số	Số liệu đến từ 01/01/2022 đến 30/04/2022	Số liệu ước từ 01/05/2022 đến 30/06/2022	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11
IV Mua sắm tài sản, phương tiện										
1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con									
1.1	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc	20	23	23	23	-	115%	100%	
1.2	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc	1	-	-	-	-	0%		
1.3	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng	724	-	-	-	-	0%		
1.4	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyên nhượng)	chiếc	-	-	-	-	-			
1.5	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyên nhượng	triệu đồng	-	-	-	-	-			
2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chê độ	chiếc	-	-	-	-	-			
2.1	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chê độ	chiếc	-	-	-	-	-			
2.2	Số tiền mua xe trang bị sai chê độ	triệu đồng	-	-	-	-	-			
V Nợ phải thu khô đòi										
1	Số đầu kỳ	triệu đồng	-	-	310,00	310,00	-			
2	Số cuối kỳ	triệu đồng	441,97	-	310,00	310,00	-	70%		
VI Vốn chủ sở hữu										
1	Số đầu năm	triệu đồng	2.821.670,42	2.852.624,28	2.852.624,28	2.828.800,28	29.616,00	101%	100%	
2	Số cuối kỳ	triệu đồng	2.802.549,48	3.115.637,38	3.115.817,67	3.115.817,67	5.792,00	111%	100%	